

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3175 /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư
Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) –
Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư

Kính gửi:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15, ngày 28/07/2021 Nghị quyết của Quốc Hội khóa XV về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, vốn ngân sách địa phương, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn năm 2021-2025.

Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020. Ngày 15/03/2021, UBND tỉnh Cao Bằng đã trình Bộ Giao thông vận tải (cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án (tại Tờ trình số 562/TTr-UBND), đến ngày 09/4/2021 của Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng Công trình giao thông – Bộ Giao thông vận tải đã có Văn bản số 812/CQLXD-DAĐT1 về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư. Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh Cao Bằng đã nghiên cứu tối ưu hướng tuyến, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Bộ Giao thông vận tải, theo ý kiến góp ý trong đợt công tác của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong chuyến công tác tại tỉnh Cao Bằng từ ngày 28-29/5/2021; ý kiến của Tỉnh ủy Cao Bằng; ý kiến của các Bộ, ngành và chỉ đạo của Thủ Tướng Chính phủ tại buổi làm việc với tỉnh Cao Bằng, ngày 15/11/2021.

UBND tỉnh Cao Bằng kính trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư.

- Nhóm dự án: Nhóm A.

- Loại và cấp công trình chính: Công trình giao thông đường bộ (đường ô tô cao tốc, cầu đường bộ, hầm đường bộ và các công trình khác trên tuyến), công trình cấp I; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: lâu dài.

- Người quyết định chủ trương đầu tư: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Chủ đầu tư giai đoạn chuẩn bị dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng.

2. Phạm vi, quy mô dự án:

a) Phạm vi dự án:

Tuyến cao tốc có chiều dài khoảng 115 km, trong đó: trên địa phận tỉnh

Lạng Sơn khoảng 52 km, đi qua huyện Văn Lãng, huyện Tràng Định và trên địa phận tỉnh Cao Bằng khoảng 63 km, đi qua huyện Thạch An, huyện Quảng Hoà (huyện Phục Hòa và huyện Quảng Uyên cũ), huyện Trùng Khánh (huyện Trà Lĩnh cũ), huyện Hòa An và thành phố Cao Bằng. Tuyến nối đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh vào thành phố Cao Bằng có chiều dài khoảng 15,5 km đi qua các huyện Quảng Hoà (huyện Quảng Uyên cũ), huyện Hòa An và thành phố Cao Bằng. Điểm đầu tại nút giao khu vực cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng kết nối vào đoạn nối cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng với cửa khẩu Tân Thanh và cửa khẩu Cốc Nam tỉnh Lạng Sơn. Điểm cuối tại nút giao đường vào khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh và quốc lộ 34, thuộc khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh tỉnh Cao Bằng.

b) Quy mô dự án:

- Giai đoạn 1: Đầu tư khoảng 93 km (từ Km0+00 tại nút giao khu vực cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng đến Km93+00 nút giao với quốc lộ 3 tại lý trình Km307+650 quốc lộ 3, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa) với quy mô nền đường 17 m, mặt đường rộng 14 m với 4 làn xe (4 x 3,5 m), lề gia cố rộng 0,5 m (2 x 0,25 m), dải phân cách và dải an toàn rộng 1,5 m (0,5 m + 2 x 0,5 m), lề đất rộng 1,0 m (2 x 0,5 m). Trong bước tiếp theo cần nghiên cứu chăm trước về quy mô và hướng tuyến để phù hợp với các đoạn tuyến đi qua khu vực có điều kiện tự nhiên đặc biệt khó khăn trên nguyên tắc vòng tránh các khu vực có nguy cơ cao về sạt trượt hay chịu ảnh hưởng lớn của hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu, giữ gìn cảnh quan non nước Cao Bằng, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và phù hợp về kinh tế - kỹ thuật.

- Giai đoạn 2 (hoàn thiện): Đầu tư tiếp khoảng 22 km (từ Km93+00 nút giao với quốc lộ 3 tại lý trình Km307+650 quốc lộ 3 xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa đến Km115+00 tại cửa khẩu Trà Lĩnh) với quy mô bề rộng nền đường 17 m, mặt đường rộng 14 m với 4 làn xe (4 x 3,5 m), lề gia cố rộng 0,5 m (2 x 0,25 m), dải phân cách và dải an toàn rộng 1,5 m (0,5 m + 2 x 0,5 m), lề đất rộng 1,0 m (2 x 0,5 m) làn dừng xe khẩn cấp không liên tục.

- Loại cấp công trình: Đường ô tô theo tiêu chuẩn đường cao tốc (TCVN5729-2012).

- Tốc độ thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h, đối với đoạn địa hình khó khăn cho phép thiết kế với vận tốc 60km/h

3. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 20.939 tỷ đồng, trong đó:

- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 12.546 tỷ đồng;

- Tổng mức đầu tư giai đoạn 2 (hoàn thiện): 8.393 tỷ đồng.

4. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư dự án (giai đoạn 1): Nguồn vốn thực hiện dự án gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động của nhà đầu tư phù hợp với quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và phần vốn nhà nước tham gia trong dự án, cụ thể như sau:

- Vốn do nhà đầu tư huy động (vốn chủ sở hữu, vốn tín dụng và vốn hợp pháp khác): 7.546 tỷ đồng.

- Nhà nước tham gia trong dự án bằng vốn góp và vốn hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư: 5.000 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương là 2.500 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 2.500 tỷ đồng.

- Trong trường hợp cần thiết, được phép điều chỉnh bổ sung phần vốn góp của Nhà nước tối đa theo quy định.

5. Dự án thành phần: Dự án được chia thành 3 dự án thành phần để thực hiện, cụ thể như sau:

a) Dự án thành phần Văn Lãng - Thạch An: từ Km+00 đến Km58+00, dài 58 km, tổng mức đầu tư khoảng 5.163 tỷ đồng.

b) Dự án thành phần Thạch An - Quảng Hoà: Từ Km58+00 đến Km79+300, dài 21,3 km, tổng mức đầu tư khoảng 2.724 tỷ đồng.

c) Dự án thành phần Quảng Hoà - thành phố Cao Bằng: Từ Km79+300 đến Km93+00, dài 13,7 km tuyến chính và 15,5 km tuyến nối với thành phố Cao Bằng tổng mức đầu tư khoảng 4.659 tỷ đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Cao Bằng.

7. Thời gian triển khai dự án:

- Giai đoạn 1: Thời gian thực hiện (từ khi ký hợp đồng dự án đến khi hoàn thành đưa vào sử dụng): Năm 2020 - 2024. Thời gian vận hành, thu phí hoàn vốn khoảng 16 năm (từ năm 2024 đến năm 2040).

- Giai đoạn 2: Thực hiện sau năm 2025.

8. Nhu cầu sử dụng đất (quy mô hoàn thiện): Khoảng 788 ha; Trong đó tỉnh Lạng Sơn khoảng 319 ha, tỉnh Cao Bằng khoảng 469 ha.

9. Loại hợp đồng dự án: Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP;

10. Phương án tài chính dự án: Nhà đầu tư sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư dự án; được hoàn vốn bằng thu phí kín trên toàn tuyến cao tốc. Mức phí thu theo các quy định của pháp luật và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, người sử dụng, nhà đầu tư. Phần vốn ngân sách nhà nước tham gia dự án thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Cao Bằng là tỉnh miền núi, nằm trong vùng chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh, với truyền thống cách mạng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn một lòng son sắt theo Đảng; là căn cứ địa cách mạng của chiến khu Việt Bắc; là nơi có địa hình bị chia cắt mạnh, đồi núi cao, hệ thống sông suối có độ dốc dọc lớn, mạng lưới giao thông duy nhất là đường bộ. Cơ cấu nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là nông, lâm nghiệp, nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc

thiếu số, đặc biệt khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo cao (theo chuẩn nghèo mới gần 40%), kết cấu hạ tầng còn kém phát triển, đặc biệt là hạ tầng giao thông đường bộ.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 theo Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018, đây là dự án kết nối có tính liên vùng, là đường vận tải quốc tế Á-Âu kết nối từ cảng quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) qua cửa khẩu Trà Lĩnh (Cao Bằng) - Long Bang (Trung Quốc) đi Trùng Khánh-Urumqi-Khorgos (Trung Quốc) sang các nước châu Âu và tuyến cao tốc Tiên Yên – Lạng Sơn – Cao Bằng. Tuyến cao tốc nói trên hướng tuyến đi sát các hệ thống cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính của tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, kết nối điểm cuối là cửa khẩu Trà Lĩnh để thu hút, khai thác được tuyến cao tốc xuyên biên giới sẵn có của Trung Quốc đã kết nối tới Long Bang ở Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây.

Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh Cao Bằng đã cân nhắc nguồn lực, tìm mọi giải pháp tối ưu hóa hướng tuyến để kết nối đến các cửa khẩu đảm bảo kết nối liên vùng, phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu và điều chỉnh quy mô phù hợp với thực tế để tối ưu hóa tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có sự thay đổi chế chính sách, pháp luật có liên quan (Chủ trương đầu tư được phê duyệt Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 của Chính phủ; Quá trình lập, thẩm định báo cáo nghiên khả thi và phê duyệt Dự án theo Luật số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội). Cùng với đó, từ thực tiễn triển khai các dự án trong thời gian qua, đặc biệt là quá trình triển khai các dự án thành phần trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 cho thấy còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Theo Nghị quyết số 52/2017/QH14 của Quốc hội, trong tổng số 11 dự án thành phần có 8 dự án triển khai theo phương thức PPP và 3 dự án đầu tư công. Quá trình triển khai đã phát sinh một số yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi và tiến độ hoàn thành dự án, trong đó chủ yếu là khó khăn về huy động vốn tín dụng, đã có 05/08 dự án triển khai theo phương thức PPP đã phải chuyển sang đầu tư công, 03 dự án còn lại (Diễn Châu - Bãi Vọt, Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo) mặc dù có tỷ lệ vốn nhà nước tham gia hỗ trợ trên 50% tổng mức đầu tư, thời gian thu hồi vốn từ 16-17 năm, được đánh giá là rất hiệu quả về tài chính nhưng vẫn rất khó khăn về tín dụng.

Theo đó, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án với các nội dung điều chỉnh như phương án tài chính, quy mô dự án, điều chỉnh tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước tham gia hỗ trợ lên tối đa 50%, áp dụng cơ chế chia sẻ doanh thu... là rất cần thiết và phù hợp để tăng tính hiệu quả, thu hút các Nhà đầu tư quan tâm Dự án.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Phạm vi, quy mô đầu tư dự án

a) Điều chỉnh phạm vi dự án: chiều dài toàn tuyến đã được phê duyệt tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2021, tuyến có chiều dài khoảng 115km. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi

tránh khu vực tuyến có điều kiện địa hình, địa chất phức tạp; xác định lại vị trí cụ thể điểm cuối tuyến thì chiều dài tuyến là 121,06km (tăng khoảng 6km), cụ thể:

- Điều chỉnh cục bộ 03 vị trí: Vị trí 1 thuộc địa phận huyện Trảng Định (từ Km33+860 đến Km38+995); Vị trí 2 thuộc địa phận huyện Thạch An (từ Km63+600 đến Km85+780); Vị trí 3 thuộc địa phận thị trấn Trà Lĩnh – huyện Trùng Khánh (từ Km91+200 đến Km124+025); điều chỉnh vị trí điểm cuối tuyến tại Km 124+025 theo Thông báo kết luận số 366/TB-VP ngày 05/03/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng và đoạn Km81+400 – Km99+400 nhằm tối ưu hóa phương án tuyến theo gợi ý của đồng chí Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong chuyến công tác tại tỉnh Cao Bằng ngày 29/5/2021 để kết nối tuyến cao tốc đến các cửa khẩu trong tỉnh (cửa khẩu Tà Lùng, cửa khẩu Trà Lĩnh) theo Thông báo kết luận số 1377/TP-VP ngày 16/7/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

- Điều chỉnh không đầu tư tuyến kết nối từ đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh vào thành phố Cao Bằng có chiều dài khoảng 15,5 km đi qua các huyện Quảng Hoà (huyện Quảng Uyên cũ), huyện Hòa An và thành phố Cao Bằng do thay đổi phương án kết nối vào thành phố Cao Bằng.

* Lý do điều chỉnh: trong quá trình khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi để đảm bảo không ảnh hưởng đến đập Thâm Luông và khu dân cư Thâm Luông (huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn); tránh khu vực có địa hình, địa chất, khu vực đất quốc phòng; xác định lại vị trí điểm cuối tuyến đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh; thay đổi phương án tuyến kết nối vào thành phố Cao Bằng, do đó việc điều chỉnh nêu trên là cần thiết;

b) Điều chỉnh quy mô dự án: Quy mô giai đoạn hoàn thiện của dự án không thay đổi theo quy mô đã được phê duyệt tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đề xuất điều chỉnh lại quy mô thực hiện giai đoạn 1 đối với một số đoạn tuyến để vừa đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu giao thông (mức độ phục vụ – LOS – từ cấp C trở lên), vừa phát huy hiệu quả đầu tư với mức chi phí đầu tư xây dựng không quá lớn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: bề rộng nền đường theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ là 17m trên toàn tuyến (*châm trước về quy mô và hướng tuyến để phù hợp với các đoạn tuyến đi qua khu vực có điều kiện tự nhiên đặc biệt khó khăn trên nguyên tắc vòng tránh các khu vực có nguy cơ cao về sạt trượt hay chịu ảnh hưởng lớn của hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu, giữ gìn cảnh quan non nước Cao Bằng, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và phù hợp về kinh tế - kỹ thuật*). Trên nguyên tắc đảm bảo tính khả thi về kinh tế - kỹ thuật, đề xuất điều chỉnh quy mô là 17m đối với đoạn thông thường (*khoảng 22km, chiếm khoảng 24% chiều dài tuyến giai đoạn 1*) và châm trước một số đoạn tuyến là 13,5m (*khoảng 71km, chiếm khoảng 76% chiều dài tuyến giai đoạn 1*); các thông số kỹ thuật đảm bảo theo Quyết định số 5109/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn về thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng đường ô tô cao tốc.

- Giai đoạn 2: hoàn thiện quy mô cắt ngang 4 làn xe 17m với các đoạn tuyến chầm chước trong giai đoạn 1; triển khai thực hiện giai đoạn 2 theo quy mô đã được phê duyệt tại Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 20.939 tỷ đồng (trong đó: giai đoạn 1 là 12.546 tỷ đồng; giai đoạn 2 là 8.393 tỷ đồng). Trên cơ sở điều chỉnh phạm vi, quy mô và cập nhật số liệu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh khoảng 22.698 tỷ đồng (trong đó: giai đoạn 1 là 13.182 tỷ đồng; giai đoạn 2 là 9.516 tỷ đồng), tăng 1.759 tỷ đồng.

* Lý do điều chỉnh: do việc điều chỉnh phạm vi (tăng chiều dài tuyến), điều chỉnh lại các giải pháp kỹ thuật, cập nhật các chế độ chính sách hiện hành, điều chỉnh lại cơ cấu nguồn vốn đầu tư dẫn đến thay đổi tổng mức đầu tư của dự án.

3. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, cơ cấu nguồn vốn đầu tư (giai đoạn 1) gồm: vốn do nhà đầu tư huy động (vốn chủ sở hữu, vốn tín dụng và vốn hợp pháp khác) là 7.546 tỷ đồng; nguồn vốn Nhà nước tham gia trong dự án bằng vốn góp và vốn hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư là 5.000 tỷ đồng, đề xuất tăng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia trong Dự án không vượt quá 50% tổng mức đầu tư của Dự án, dự kiến vốn nhà nước tham gia trong dự án khoảng 6.580 tỷ đồng (tương đương với 49,92% tổng mức đầu tư giai đoạn 1).

* Lý do điều chỉnh: thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với tỉnh Cao Bằng ngày 15/11/2021.

4. Điều chỉnh dự án thành phần (giai đoạn 1): theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ gồm có 03 dự án thành phần gồm: (1) Dự án thành phần Văn Lãng - Thạch An: từ Km+00 đến Km58+00, dài 58 km, tổng mức đầu tư khoảng 5.163 tỷ đồng; (2) Dự án thành phần Thạch An - Quảng Hoà: Từ Km58+00 đến Km79+300, dài 21,3 km, tổng mức đầu tư khoảng 2.724 tỷ đồng; (3) Dự án thành phần Quảng Hoà - thành phố Cao Bằng: Từ Km79+300 đến Km93+00, dài 13,7 km tuyến chính và 15,5 km tuyến nối với thành phố Cao Bằng tổng mức đầu tư khoảng 4.659 tỷ đồng. Đề xuất không tách thành các dự án thành phần để triển khai độc lập mà triển khai toàn bộ Dự án (đề xuất công tác GPMB được triển khai ngay sau khi phê duyệt dự án).

* Lý do điều chỉnh: để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và công tác giải phóng mặt bằng trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

- Giai đoạn 1: từ năm 2020 - 2025. Thời gian vận hành, thu phí hoàn vốn khoảng 23 năm (từ năm 2026 đến năm 2049).

- Giai đoạn 2: sau năm 2025.

* Lý do điều chỉnh: do thay đổi cơ cấu nguồn vốn, giá vé cơ sở năm tính toán giảm và lưu lượng xe tính toán giảm.

6. Điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất: theo Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 788 ha; trong đó tỉnh Lạng Sơn khoảng 319 ha, tỉnh Cao Bằng khoảng 469 ha, đề xuất điều chỉnh diện tích sử dụng đất của dự án là khoảng 727,48 ha; trong đó, tỉnh Lạng Sơn khoảng 312,01 ha, tỉnh Cao Bằng khoảng 415,47 ha

* Lý do điều chỉnh: do không đầu tư tuyến nối đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh vào thành phố Cao Bằng có chiều dài khoảng 15,5 km.

- Bổ sung nội dung diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng của dự án là khoảng 212 ha; trong đó, tỉnh Lạng Sơn khoảng 107 ha, tỉnh Cao Bằng khoảng 105 ha.

7. Bổ sung cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu:

Quyết định 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ không có các cơ chế, ưu đãi và đảm bảo đầu tư cho dự án. Để đảm bảo tính khả thi, thu hút các nhà đầu tư, đề xuất áp dụng các cơ chế, ưu đãi và đảm bảo đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, cụ thể như sau:

- Ưu đãi đầu tư: nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan theo quy định tại Điều 79 Luật PPP;

- Bảo đảm đầu tư: nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các bảo đảm đầu tư theo quy định của Luật này và pháp luật về đầu tư theo quy định tại Điều 80 Luật PPP;

- Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu: bổ sung cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu cho dự án theo quy định tại Điều 82 Luật PPP và nguồn chi trả chi phí xử lý cho phần giảm doanh thu là dự phòng ngân sách trung ương.

- Ngoài ra, đề xuất một số ưu đãi khác như sau:

+ Trạm dừng nghỉ: để thu hút, khuyến khích nhà đầu tư, trạm dừng nghỉ sẽ được giao cho Nhà đầu tư thực hiện cao tốc tiến hành xây dựng và kinh doanh trong quá trình vận hành tuyến cao tốc sau này.

+ Mỏ vật liệu: nhà đầu tư được tạo điều kiện để tổ chức quy hoạch mỏ vật liệu (đất, cát, đá,...), bố trí bãi đổ đất đá thừa, các trạm trộn bê tông nhựa, trạm trộn bê tông xi măng, nhà xưởng phục vụ thi công dự án. Hỗ trợ kiểm soát trữ lượng và giá vật liệu tại địa phương, đảm bảo không có hiện tượng khan hiếm hoặc giá thay đổi một cách bất thường đối với những loại vật liệu sử dụng cho dự án, tránh ảnh hưởng đến tổng mức đầu tư. Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu

xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công). Nghị quyết ban hành đã tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng cho địa phương và nhà thầu thi công các tuyến cao tốc. Dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị quyết này để cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư

8. Các nội dung khác: thực hiện theo Quyết định 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư;
2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh của Dự án;
3. Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
4. Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

UBND tỉnh Cao Bằng kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư để UBND tỉnh Cao Bằng có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, GTVT, Tài chính;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP;
- Lưu: VT, GT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

